

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 902/2019/HC-PT

Ngày: 14-10-2019

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên.

Các Thẩm phán:

1. Bà Trần Thị Nhung
2. Bà Đoàn Thị Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
155/2015/TLPT-HC ngày 21 tháng 10 năm 2015 về việc: “Khiếu kiện quyết
định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2015/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm
2015 của Tòa án nhân dân Quận P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4397/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng
9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1944.
2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1949.

Địa chỉ: 84/3 Khu phố 1, phường P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Minh H, sinh
năm 1959.

Địa chỉ: 6/37Bis Đường Q, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân Quận P.

Địa chỉ: 07 đường T, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Đào Gia V – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm 1978 và ông Đinh Quang Anh L, sinh năm 1986.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường P.

Địa chỉ: 230 H, phường P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Quốc B, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

3. Bà Trần Thị Rắc L, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)

4. Ông Trần Quốc K, sinh năm 1990 (xin vắng mặt)

5. Ông Trần Quốc A, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

6. Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)

7. Ông Võ Hiếu Đ, sinh năm 1993 (xin vắng mặt)

8. Ông Trần Thanh B, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

9. Bà Đào Thị Kim S, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

10. Bà Trần Thị Băng K, sinh năm 2001 (xin vắng mặt)

11. Trẻ Trần Thị Băng C, sinh năm 2002

12. Trẻ Trần Thị Băng Nh, sinh năm 2013

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Trần Thị Băng C, trẻ Trần Thị Băng Nh: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

13. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

14. Ông Lê Bá H, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

15. Bà Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1996 (xin vắng mặt)

16. Trẻ Lê Trung H, sinh năm 2009

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Lê Trung H: Ông Lê Bá H, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

17. Bà Trần Thị Hồng D, sinh năm 1981(xin vắng mặt)

18. Ông Nguyễn Văn Mười M, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

19. Trẻ Nguyễn Trần Anh T, sinh năm 2005

20. Trẻ Nguyễn Trần Song T, sinh năm 2011

Người đại diện theo pháp luật của trẻ Nguyễn Trần Anh T, trẻ Nguyễn Trần Song T: Bà Trần Thị Hồng D, sinh năm 1981(xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 84/3 Khu phố 1, phường P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

*Người khởi kiện ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P do bà Nguyễn Minh H làm đại diện trình bày:

Phần đất 91,8m² thuộc thửa 15, 16, 17, 22 tờ bản đồ số 5 (tài liệu 1991) thị trấn Nhà Bè, huyện N nay thuộc phần thửa 52, 54 tờ bản đồ số 2 (tài liệu 2003) phường P, Quận P của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P tại địa chỉ số 84/3 Tổ 3, khu phố 1, phường P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng bởi dự án Đường 15B có nguồn gốc do cha mẹ của ông V tạo lập trước năm 1975, sau năm 1975 gia đình ông V tiếp tục sử dụng cho đến nay. Hiện trạng trên đất có một căn nhà cấp 4 diện tích 42,7m² do ông V tự xây dựng không phép cho con gái ông tên Trần Thị Kim H và con rể sử dụng.

Ngày 24/3/2014, Ủy ban nhân dân Quận P ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với ông Trần Ngọc V trong đó bồi thường đất nông nghiệp 91,8m² và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường 91,8m².

Đối với phần đất này, ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P có các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đã kê khai đăng ký nhà đất số 633 diện tích 1.200m² do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N cấp ngày 31/12/1977; Sổ hộ khẩu số 31200001276 do Công an Quận P cấp thể hiện ông V và bà Phiến chuyển đến thường trú từ ngày 01/01/1977; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05/QSDD/01 ngày 13/6/1997 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho ông Trần Ngọc V; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH36144 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 06/4/2012 cho ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P.

Tại Công văn số 5079/VPĐK-KT ngày 05/5/2015 của Văn phòng đăng ký đất đai cho biết: Nguồn gốc đất trong Sổ mục kê ruộng đất (bộ sao chép) tài liệu Chỉ thị 299/TTg do Ủy ban nhân dân xã P đăng ký ngày 15/9/1984 và Sổ đã ngoại-Bản đồ địa chính pháp lý 2004 có tên ông Trần Ngọc V.

Đối chiếu với quy định tại điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 50, Khoản 1, Khoản 2 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003; điểm c Khoản 5, Khoản 6 Điều 41 Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ; Khoản 1, Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nhà đất của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P có giấy tờ và có quá trình sử dụng ổn định trước năm 1975 không ai tranh chấp nên phải được công nhận là đất ở.

Nay ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu hủy một phần nội dung tại Khoản 1.1 Điều 1 Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của Ủy ban nhân dân Quận P đề yêu cầu bồi thường 91,8m² theo đơn giá đất ở vị trí mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu được phê duyệt theo phương án bồi thường là 22.070.000 đồng/m².

*Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận P trước đây do bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hoàng D làm đại diện trình bày:

Căn cứ Quyết định số 808/QĐ-SGTCC ngày 23/5/2008 của Sở Giao thông công chính phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường 15B nối dài tại phường P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân Quận P phê duyệt Phương án số 03/PABT-GPMB ngày 17/5/2012 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án Đường 15B nối dài đoạn từ đường Phạm Hữu Lầu đến đường Hoàng Quốc Việt tại phường P, Quận P.

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 của Ủy ban nhân dân Quận P về việc thu hồi khu đất diện tích 91,8m² của ông Trần Ngọc V để thực hiện dự án Đường 15B nối dài.

Căn cứ Giấy xác nhận số 54/XN-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban nhân dân phường P: Nguồn gốc nhà, đất của ông Trần Ngọc V là đất được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05/QSĐĐ/01 ngày 13/6/1997, nhà tự cất trước ngày 01/7/2004 (ông V đã cấp đổi Giấy chứng nhận năm 2012). Thời điểm chuyển đổi mục đích sử dụng phần đất thu hồi có diện tích 42,7m² từ ngày 22/4/2002 đến trước ngày 01/7/2004.

Phần đất ông V bị thu hồi thuộc thửa 15, 16, 17, 22 tờ bản đồ số 5 (tài liệu 1991) thị trấn Nhà Bè, huyện N nay thuộc phần thửa 52, 54 tờ bản đồ số 2 (tài liệu 2003) phường P, Quận P của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Đường 15B (kèm Bản đồ hiện trạng vị trí số 49-15 ngày 20/8/2013 của Công ty TNHH Đo đạc-Tư vấn-K), căn cứ Điểm 6.3 Khoản 6 mục A phần III của Phương án số 03/PABT-GPMB ngày 17/5/2012 quy định bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp sử dụng đất có nhà ở nhưng không có giấy tờ hoặc có giấy tờ là đất nông nghiệp, trường hợp ông V không đủ điều kiện bồi thường đất ở mà chỉ được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp, cụ thể:

- Đất nông nghiệp: $91,9\text{m}^2 \times 342.000 \text{ đồng/m}^2 = 31.395.600 \text{ đồng}$.

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường: $91,9\text{m}^2 \times 1.691.000 \text{ đồng/m}^2 = 155.233.800 \text{ đồng}$.

- Đối với phần nhà cấu trúc mái tôn, vách gạch, cột BTCT, trần thạch cao diện tích 42,4m², sân xi măng diện tích 48,9m² không hỗ trợ do xây dựng sau ngày 22/4/2002.

Việc Ủy ban nhân dân Quận P ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với ông Trần Ngọc V với tổng số tiền là 186.629.400 đồng là đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa

án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường P do ông Trương Quốc B làm đại diện trình bày:

Đối với dự án xây dựng Đường 15B nối dài, Ủy ban nhân dân phường P chỉ xác định nguồn gốc nhà và đất của từng hộ trong khu vực giải tỏa, riêng việc chiết tính bồi thường không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận năm 1997, Giấy chứng nhận năm 2012 của ông Trần Ngọc V và tài liệu bản đồ năm 2003 không thể hiện có căn nhà trên phần đất bị thu hồi nên Ủy ban nhân dân phường P lập Giấy xác nhận nhà đất số 54/XN-UBND ngày 17/02/2014 là đúng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng quyền lợi với người khởi kiện thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Bản án sơ thẩm số 12/2015/HCST ngày 04/9/2015, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 28, 29, 103, 104, 131, 132 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 38, 39, 40, 41, 44 Luật Đất đai năm 2003; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V, bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của Ủy ban nhân dân Quận P.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/9/2015, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện do bà Nguyễn Minh H làm đại diện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của Ủy ban nhân dân Quận P với lý do phần đất bị thu hồi có nguồn gốc do gia đình ông Trần Ngọc V sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, trên đất có hộ khẩu và nhà ở xây dựng năm 1977 nên yêu cầu được bồi thường theo giá đất ở thuộc vị trí mặt tiền đường Phạm Hữu Lầu. Về phần cấu trúc nhà yêu cầu được hỗ trợ giá trị xây dựng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử tại phiên tòa. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình do Luật Tổ tụng hành chính quy định.

Về nội dung: Quá trình cấp phúc thẩm thụ lý vụ án, ông Trần Ngọc V cung cấp Quyết định giải quyết khiếu nại số 2943/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc không công nhận nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 25/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận P. Đây là tình tiết mới phát sinh

tại cấp phúc thẩm nên cần phải chờ quyết định giải quyết khiếu nại tiếp theo về việc cấp Giấy chứng nhận đối với ông Trần Ngọc V mới giải quyết được vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d Khoản 1 Điều 141, Khoản 1 Điều 228 Luật tố tụng hành chính, tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 155/2015/TLPT-HC ngày 21/10/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Phần đất 91,8m² bị thu hồi theo dự án Đường 15B nối dài tại phường P, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sử dụng của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 0168 do Ủy ban nhân dân Quận P cấp ngày 06/4/2012. Ngày 24/3/2014, Ủy ban nhân dân Quận P ban hành Quyết định số 71/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất đối với ông Trần Ngọc V.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của Ủy ban nhân dân Quận P, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[3.1] Về kháng cáo yêu cầu bồi thường đất ở.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05/QSDD/01 ngày 13/6/1997 của Ủy ban nhân dân huyện N được thay thế bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0168 ngày 06/4/2012 của Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P, nhận thấy loại đất mà ông V và bà Phiến được công nhận quyền sử dụng tại hai Giấy chứng nhận nêu trên là đất ao, đất mùa, đất nông nghiệp, không có đất ở.

Căn cứ Giấy chứng nhận đã kê khai đăng ký nhà đất ngày 31/12/1977 thể hiện ông Trần Ngọc V kê khai căn nhà tôn diện tích sử dụng 1.200m², diện tích sử dụng chính 59m².

Căn cứ lời khai của đại diện ông Trần Ngọc V tại phiên tòa sơ thẩm (BL 285) trình bày vào năm 2000 ông V xây một căn nhà trên phần đất bị thu hồi cho người con tên Trần Thị Kim H sử dụng. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông Trần Ngọc V tại phiên tòa phúc thẩm rằng sau khi căn nhà xây dựng năm 1977 bị giải tỏa bởi dự án tuyến điện 110KV vào năm 1997, ông đã di dời căn nhà đó sang phần đất hiện nay.

Qua các căn cứ trên, cho thấy căn nhà trên phần đất bị thu hồi là một căn nhà khác được xây dựng sau này, không phải là căn nhà mà ông Trần Ngọc V kê khai đăng ký năm 1977. Đồng thời, trong toàn bộ diện tích đất mà ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P được cấp giấy, không có diện tích đất ở nào được công nhận.

Do đó, ý kiến của đại diện người khởi kiện cho là phần đất bị thu hồi là đất ở vì đã có nhà trên đất từ năm 1977 là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, theo hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của dự án tuyến điện 110KV năm 1997, hộ ông Trần Ngọc V được bồi thường một căn nhà trên thửa đất số 22 với tổng diện tích được bồi thường về nhà 89,69m², về đất 980,25m² trong đó có 400m² đất ở và 486,25m² đất thổ. Sau đó Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 05/QSĐĐ/01 ngày 13/6/1997 cho ông V và đã trừ ra phần diện tích bồi thường này tại Giấy chứng nhận năm 1997. Thực tế thửa đất số 22 được nêu tại quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là phần đất mà ông V chưa được cấp Giấy chứng nhận và không thuộc phần đất bị thu hồi đang tranh chấp hiện nay.

[3.2] Về kháng cáo yêu cầu hỗ trợ phần xây dựng.

Tại Giấy xác nhận số 54/XN-UBND ngày 17/02/2014 của Ủy ban nhân dân phường P xác nhận nhà tự cất trước ngày 01/7/2004 và thời điểm chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ ngày 22/4/2002 đến ngày 01/7/2004. Về phía ông Trần Ngọc V khai xây nhà năm 2000 hoặc di dời nhà cũ từ phần đất bị giải tỏa trước đây sang phần đất này từ sau năm 1997.

Hội đồng xét xử thấy rằng phần đất bị thu hồi hiện nay thuộc thửa 509 tờ bản đồ số 2 tương ứng với thửa 15, thửa 16 tờ bản đồ số 5 tài liệu đo năm 1990; tương ứng với thửa 52 tờ bản đồ số 2 tài liệu đo năm 2003. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ (BL 255) đại diện của ông V trình bày căn nhà số 2 diện tích 18,2m x 12m được xây dựng năm 1977 có cùng thửa đất với căn nhà đang bị giải tỏa. Như vậy đại diện ông V đã thừa nhận căn nhà bị giải tỏa là căn nhà khác, không phải là căn nhà xây dựng năm 1977, phù hợp với lời khai của ông V xác nhận di dời nhà cũ xây năm 1977 sang phần đất này từ sau năm 1997. Qua đó Hội đồng xét xử nhận thấy các căn nhà này không cùng một thửa và không phải là căn nhà duy nhất.

Riêng đối với Văn bản số 23/UBND ngày 13/02/2012 của Ủy ban nhân dân phường P trả lời Thanh tra xây dựng Quận P về việc xác minh thời điểm xây nhà của ông Trần Ngọc V và ông Nguyễn Ngọc Tường khi hai ông làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận do biến động chuyển nhượng, Ủy ban nhân dân phường P xác định có hai căn nhà xây dựng vào khoảng năm 1999-2000. Tuy nhiên, tại đơn ngày 15/12/2011 về việc xin cấp đổi lại giấy chứng nhận ông V kê khai “chưa có nhu cầu xin công nhận quyền sở hữu nhà”, và đồng thời sơ đồ nhà đất tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0168 ngày 06/4/2012 của ông V thể hiện căn nhà đó ở vị trí khác, không phải là căn nhà ở vị trí bị giải tỏa như hiện nay.

Qua các căn cứ trên, nhận thấy căn nhà bị giải tỏa do ông V xây dựng không phép, không có tài liệu chứng minh thời điểm xây dựng nên không có cơ sở công nhận ông V xây nhà vào năm 2000 hoặc sau năm 1997. Điều này phù hợp với Bản đồ tài liệu năm 2003 và Bản đồ hiện trạng vị trí bỏ túc hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận ngày 23/3/2012 không thể hiện có căn nhà trên phần đất bị thu hồi 91,8m².

Đồng thời qua hai lần cấp Giấy chứng nhận cho đến nay ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P không có phản ánh hay khiếu nại với Ủy ban về việc cấp Giấy chứng nhận không có đất ở.

Do đó, ý kiến của đại diện ông V cho rằng căn nhà 42,7m² xây dựng sau năm 2002 cùng thửa với căn nhà xây năm 1977 nên phải được hỗ trợ phần xây dựng và được bồi thường toàn bộ diện tích thửa 509 theo giá đất ở là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0168 ngày 06/4/2012 của Ủy ban nhân dân Quận P cấp cho ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P được xác định là đất nông nghiệp và ông V, bà Phiến tự chuyển đổi mục đích sử dụng làm nhà ở sau ngày 22/4/2002 nên căn cứ Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố; Khoản 2 mục IV và Điểm 6.3 Khoản 6 mục VI phần III của Phương án số 03/PABT-GPMB ngày 17/5/2012 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án Đường 15B nói dài, nhận thấy Ủy ban nhân dân Quận P bồi thường đất nông nghiệp đơn giá 342.000 đồng/m² và hỗ trợ đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường bằng 50% đơn giá đất ở trung bình của khu vực là 1.691.000đồng, về nhà không bồi thường, hỗ trợ là phù hợp quy định pháp luật. Án sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P là có căn cứ.

[3.4] Trong trường hợp Ủy ban nhân dân Quận P có sự thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0168 ngày 06/4/2012 từ loại đất nông nghiệp thành đất ở và có căn cứ xác định phần nhà đang bị giải tỏa xây dựng trước ngày 22/4/2002 thì Ủy ban nhân dân Quận P có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với phần nhà, đất bị thu hồi cho ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P theo đúng quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết khiếu nại tiếp theo về việc cấp Giấy chứng nhận của ông Trần Ngọc V. Hội đồng xét xử nhận thấy tại Khoản 6 mục VI phần III của Phương án số 03/PABT-GPMB ngày 17/5/2012 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án Đường 15B nói dài đã có quy định về trường hợp sử dụng đất có nhà ở nhưng không có giấy tờ hoặc có giấy tờ là đất nông nghiệp nếu tự chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993 hoặc tự chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày có quyết định thu hồi đất hoặc trước ngày công bố quy hoạch và trước ngày 22/4/2002 thì người đang sử dụng đất được hỗ trợ về đất ở bằng 100% đơn giá. Quy định này cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử tại mục **[3.4]** nên không cần tạm đình chỉ chờ kết quả giải quyết khiếu nại của ông Trần Ngọc V về việc cấp Giấy chứng nhận mới giải quyết được vụ án.

Từ những nhận định trên, nhận thấy kháng cáo của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P yêu cầu hủy một phần Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của Ủy ban nhân dân Quận P không có cơ sở chấp nhận, nghĩ cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 để tính án phí. Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 225, Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 12/2015/HC-ST ngày 04/9/2015 của Tòa án nhân dân Quận P, như sau:

Bác khởi kiện của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P yêu cầu hủy một phần Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của Ủy ban nhân dân Quận P.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P chịu 200.000 đồng, được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P đã nộp theo Biên lai số 05179 ngày 16/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P. Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P chịu 200.000 đồng, được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P đã nộp theo Biên lai số 0009537 ngày 21/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận P. Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Tòa án nhân dân Quận P;
- Chi cục THADS Quận P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên